

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHỈ ĐỊNH THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA**

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHỈ ĐỊNH THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Số hiệu gói thầu:

Tên gói thầu: Mua sắm văn phòng phẩm năm 2024

Dự án: Quyết định số 64/QĐ-KSBT ngày 10/4/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm văn phòng phẩm năm 2024

Phát hành: 15 giờ 00 phút, ngày 16/4/2024

Ban hành kèm theo Quyết định: số /QĐ-KSBT ngày 16/4/2024 phê duyệt hồ sơ yêu cầu

GIÁM ĐỐC

Trương Văn Hạnh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH13
Nghị định 24/2024/NĐ-CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đông Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu Mua sắm văn phòng phẩm năm 2024 thuộc dự án Mua sắm văn phòng phẩm năm 2024.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn thu dịch vụ y tế dự phòng và nguồn thu hợp pháp của đơn vị

3. Thời gian thực hiện hợp đồng là: từ ngày ký hợp đồng đến 31 tháng 12 năm 2024.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia⁽¹⁾.

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

Tất cả vật tư y tế và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa.

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước

ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 02 ngày làm việc và trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 7. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định của HSYC này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;
6. Đề xuất về thông số kỹ thuật.
7. Các nội dung khác.

Mục 8. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc theo Mẫu số 04, 04a, Chương III - Biểu mẫu.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 01 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thảo thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 11. Thời hạn nộp HSDX

HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: **09 giờ, ngày 26 tháng 4 năm 2024.**

Mục 12. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu được mời nhà thầu đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, biện pháp cung cấp hàng hóa.

Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 13. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị chỉ định thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 14. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu được chỉ định thầu.

Điều 15. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và mời nhà thầu khác đến nhận HSYC.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 16. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 90, 91, 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 24/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ 613 Trần Hưng Đạo, Khu vực 3, Phường III, Tp. Vị Thanh, Hậu Giang. Điện thoại: 0293.878 953.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDX;

b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn đề xuất chỉ định thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;

đ) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong đó nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên liên danh đảm nhận;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên của nhà thầu liên danh) được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt
1	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu ⁽¹⁾	Không áp dụng
2	Kinh nghiệm thực	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới

	hiện hợp đồng tương tự	đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 02 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): Có một hợp đồng có giá trị tối thiểu là 70% giá trị của gói thầu đang xét.
3	Khả năng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác⁽⁸⁾	Cam kết hàng hóa chào thầu phải mới 100%, phải có xuất xứ rõ ràng và hợp pháp. Nhà thầu phải có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc các dịch vụ khác theo yêu cầu:
4	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Không có hợp đồng nào không hoàn thành hợp đồng
5	Yêu cầu khác	_____ [Nêu yêu cầu khác (nếu có)].

Ghi chú:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự.

Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét. Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí “đạt”/“không đạt”, bao gồm các nội dung cơ bản dưới đây:

Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật	

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt
Hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của HSYC	Hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất hoàn toàn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSYC	Đạt
	Không đáp ứng các tiêu chí trên	Không đạt
2. Nguồn gốc xuất xứ, phân nhóm của hàng hóa		
Nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa	Có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa	Đạt
	Không đáp ứng các tiêu chí trên	Không đạt
3. Bảo hành, bảo chì hàng hóa		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì, dịch vụ sau bán hàng	Có cam kết năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng	Đạt
	Không đáp ứng các tiêu chí trên	Không đạt
4. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong 2 năm tính đến thời điểm đóng thầu. <i>(Tài liệu chứng minh: Có cam kết của nhà thầu)</i>	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng tương tự do lỗi của nhà thầu.	Không đạt
<u>Kết luận</u>	Nhà thầu đạt tất cả những chỉ tiêu về kỹ thuật	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu*].

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất này là trung thực và không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp

các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).
Nếu nhà thầu được chỉ định thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn đề xuất chỉ định thầu)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (<i>Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu</i>)						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp;

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 04b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ NHÀ THẦU ĐÃ THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương____ VND
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	[Ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương IV. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được bên mời thầu đưa vào HSYC, bao gồm mô tả về các hàng hóa được yêu cầu cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa để hỗ trợ nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu thấy cần thiết).

Stt	Danh mục hàng hóa	Thành phần/ thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giấy	Quy cách A4 và định lượng 70gsm	Gram	335	
2	Giấy	Quy cách A5 và định lượng 70 gsm	Gram	140	
3	Giấy	Màu xanh, Quy cách A3, Kích thước khổ lớn 32x48cm	Tờ	50	
4	Giấy bìa	Màu (thom), Quy cách A4 và định lượng 180gsm, 100 tờ /gram)	Gram	4	
5	Giấy Bìa	Màu trơn không hoa văn, không mùi , Quy cách A4 và định lượng 170gsm, 100 tờ /gram)	Gram	30	
6	A4 kiếng	Quy cách A4, màu trắng	Xấp	6	
7	Mực con dấu	Màu đỏ, Dung tích mực dấu 28ml	Hộp	12	
8	Tampon	Màu đỏ, (70 x 110mm)	Cái	3	
9	Sổ caro	30x40cm	Cuốn	22	
10	Sổ caro	21x33cm	Cuốn	5	
11	Phiếu thu	Không áp dụng	Quyển	20	
12	Sơ mi nút	Không áp dụng	Cái	110	
13	Bìa lá	Khổ A4, 10 cái/xấp	Xấp	15	

14	Bìa 3 dây	7 phân	Cái	10	
15	Bìa 3 dây	10 phân	Cái	80	
16	Bìa 3 dây	20 phân	Cái	10	
17	Bìa lá nhựa	Khổ A4(24x31cm), trong, 100 lá	Cái	6	
18	Bìa lá nhựa	Khổ A4(24x31cm), trong, 80l á	Cái	6	
19	Bìa hộp giấy	(15 phân	Cái	15	
20	Sơ mi còng	F4S-50mm	Cái	10	
21	Viết bút lông nhỏ	Không áp dụng	Cây	22	
22	Viết bi bấm	Màu xanh, đầu bi 0,5mm	Cây	152	
23	Viết bi bấm	Màu tím, đầu bi 0,5mm	Cây	20	
24	Bút xoá	Không áp dụng	Cây	7	
25	Bút chì	Không áp dụng	Cây	5	
26	Gôm tẩy viết chì	Không áp dụng	Cái	3	
27	Aráp lớn	Bấm 210 tờ	Cái	1	
28	Aráp nhỏ	Bấm kim số 10	Cây	9	
29	Đồ bấm 2 lỗ	Bấm 15 tờ	Cái	1	
30	Kim bấm	Không áp dụng	Hộp	78	
31	Thước cây (50 cm)	Không áp dụng	Cây	5	
32	Máy tính	Màn hình lớn, 12 số	Cái	3	
33	Kéo lớn	Không áp dụng	Cây	6	
34	Kẹp giấy	Không áp dụng	Cái	35	
35	Sáp	Không áp dụng	Hộp	5	
36	Dao rọc giấy	Không áp dụng	Cây	4	
37	Kẹp bướm	(19mm)	Hộp	4	
38	Kẹp bướm	(25mm)	Hộp	16	
39	Kẹp bướm	(32mm)	Hộp	4	
40	Kẹp bướm	(52mm)	Hộp	19	
41	Băng keo	màu xanh dương, 3 cm	Cuộn	5	
42	Băng keo	gân xanh dương, 3 cm	Cuộn	25	
43	Băng keo	Trong 5 cm	Cuộn	25	
44	Băng keo giấy (dán giá)	Không áp dụng	Cuộn	15	
45	Kệ xéo hồ sơ 3	Không áp dụng	Cái	10	

	ngăn				
46	Đèn pin	sạc điện tử (Loại tốt, công tắc trượt).	Cái	2	
47	Ổ Cắm điện	5m	Cái	6	
48	Ổ Cắm điện	xoay tròn 3 Ổ Cắm - Dài 8m (Loại tốt).	Cái	2	
49	Pin tiêu	AA 1,5V	Đôi	220	
50	Pin tiêu	AAA 1,5V	Đôi	54	
51	Pin4	3V cr2032	Đôi	10	
52	Pin tiêu	9V	Đôi	35	
53	Cước xanh	Không áp dụng	Miếng	20	
54	Chổi bông cỏ	(cán nhựa, loại không rụng bông)	Cây	26	
55	Chổi cộng dừa	Không áp dụng	Cây	2	
56	Chổi quét bụi	Không áp dụng	Cây	4	
57	Chổi lông gà	Không áp dụng	Cây	9	
58	Bộ lau nhà	(360 độ)	Bộ	6	
59	Thùng nhựa	có nắp (140 lít)	Cây	2	
60	Sọt rác nhựa	(cổ trung không nắp)	Cái	2	
61	Ky hút rác	Không áp dụng	Cái	10	
62	Cây chà bồn cầu	(cán inox loại đầu tròn)	Cây	7	
63	Bột thông cống	Không áp dụng	Bịch	50	
64	Thảm dấm chân	Không áp dụng	Cái	20	
65	Ca mút nước	Không áp dụng	Cái	2	
66	Cây lau kiếng	Không áp dụng	Cây	1	
67	Nước lau kiếng	Không áp dụng	Chai	15	
68	Nước rửa tay	(loại 900g/chai)	Chai	63	
69	Nước rửa chén	hương chanh (750g / chai)	Chai	17	
70	Nước lau sàn	Hương hoa hạ và bạc hà (1lít)	Chai	28	
71	Cây lau nhà	Trợ lực cán inox, sợi lao cotton (lau chủ nhật)	Cây	10	
72	Nước giặt	Dung tích 3,5 kg	Túi	3	
73	Nước tẩy Lolet	900ml	Chai	80	
74	Nước Javel	(1 lít/chai)	Lít	6	
75	Dây thun	Không áp dụng	Kg	10	
76	Túi zip	Không áp dụng	Kg	5	

77	Can nhựa	(1 lít)	Can	500	
78	Bọc nhựa không quay màu vàng	Không áp dụng	Kg	12	
79	Bọc nhựa không quay trắng	Không áp dụng	Kg	16	
80	Bọc quai xách màu xanh 20 Kg	Không áp dụng	Kg	91	
81	Bọc quai xách màu vàng 20 Kg	Không áp dụng	Kg	27	
82	Bọc quai xách màu đen	Không áp dụng	Kg	75	
83	Bọc quai xách trắng (từ 2-20kg)	Không áp dụng	Kg	10	
84	Túi đựng rác 60x90 đen	Không áp dụng	Kg	4	
85	Hộp Giấy	Giấy rút cao cấp (180 tờ x2 lớp)	Hộp	12	
86	Găng tay vải	(loại dày)	Đôi	2	
87	Găng tay cao su	(loại dài)	Đôi	4	
88	Giấy bạc size lớn	Không áp dụng	Cuộn	2	
89	Giấy vệ sinh	cuộn lớn 1kg	Cuộn	24	
90	Giấy vệ sinh	(2 lớp) lóc 10 cuộn	Lóc	28	
91	Giấy vệ sinh	(loại vuông 100 tờ/bịch)	Bịch	65	
92	Khăn lau tay	40cm x60 cm	Cái	50	
93	thuốc xịt côn trùng	Không áp dụng	Chai	2	
94	Chiếu	9 tất (loại tốt)	Chiếc	12	
95	Gối và áo gối	Thun tốt (40x60cm)	Cái	10	
96	Lá cò nước	Không áp dụng	Cái	20	

Chương V
BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

HỢP ĐỒNG ⁽²⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật đấu thầu số 22/2023/QH13 của Quốc hội);
- Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

⁽²⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, Nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]